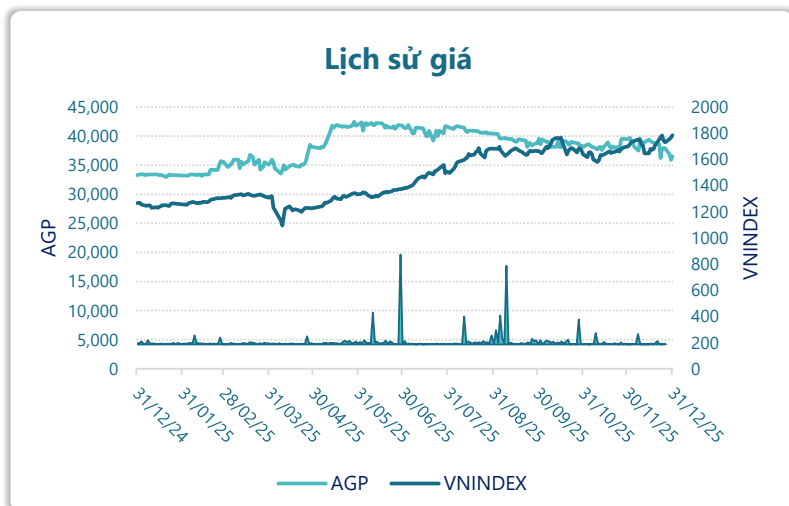


CTCP Dược phẩm Agimexpharm (UPCOM: AGP)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	36,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,471
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,955
SL cổ phiếu LH	30,607,558
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,590
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,117
P/E	21.5
EPS	1,696

DT thuần
Q4/25

233

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.0 | 14.3%

YoY: ▲ 9.00 | 4.1%

LN sau thuế
Q4/25

14.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.80 | 14.3%

YoY: ▲ 0.20 | 1.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

12.5%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần
2025

845

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 52.0 | 6.5%

LN sau thuế
2025

51.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00 | 6.2%

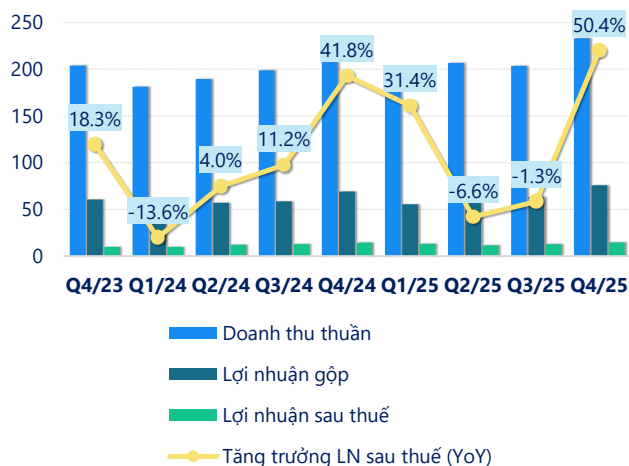
ROE
2025

12.2%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

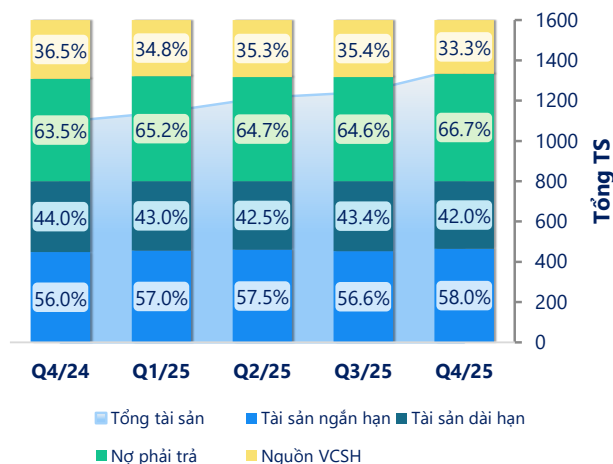
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

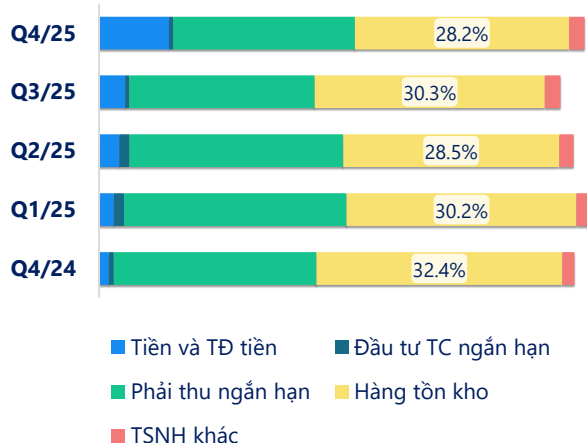
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



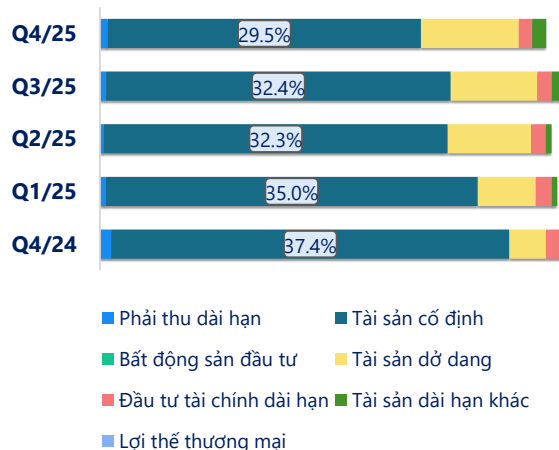
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

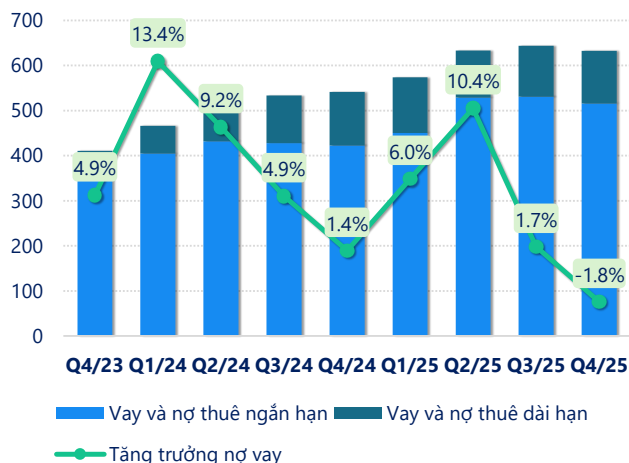
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

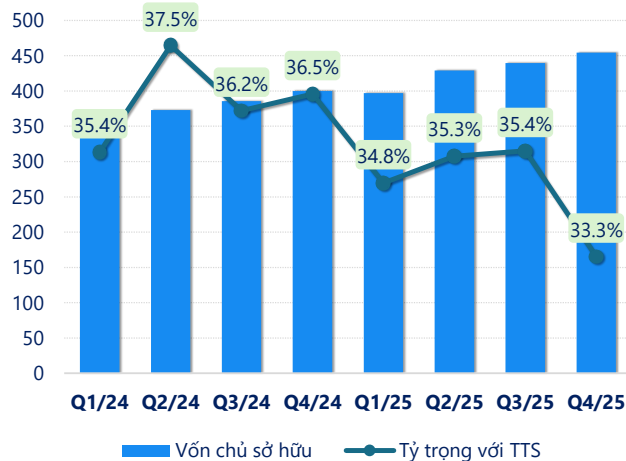
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

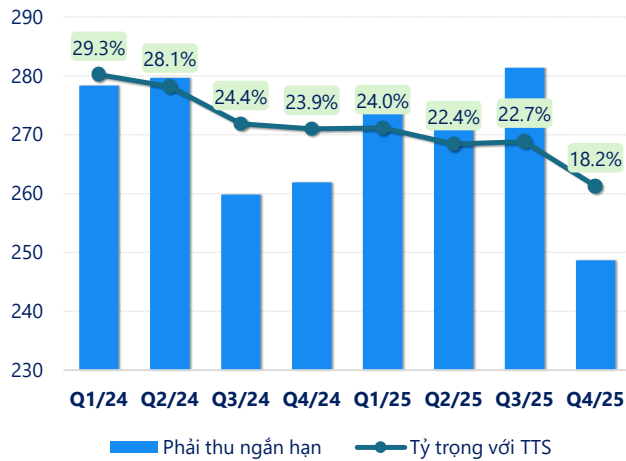
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



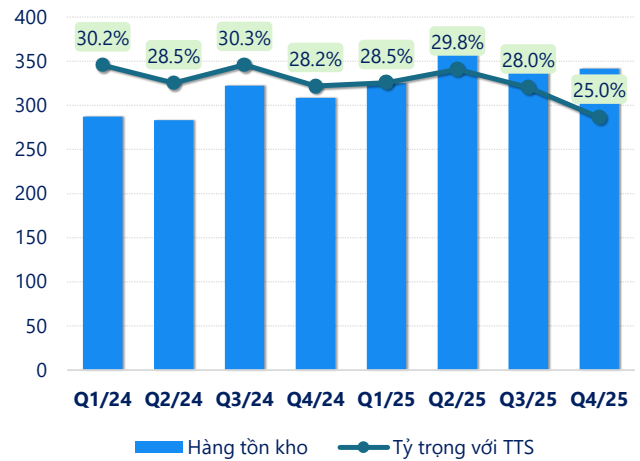
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


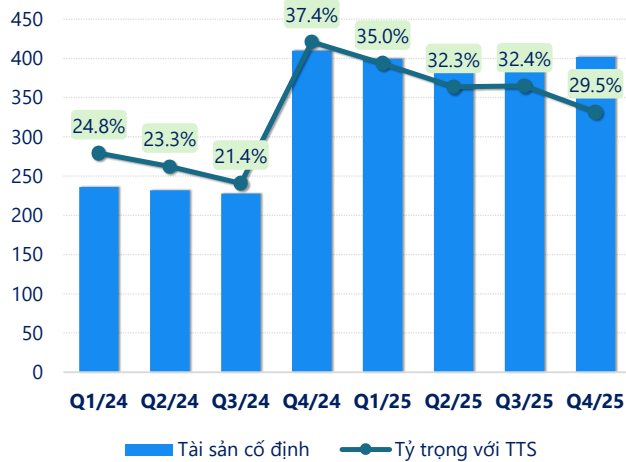
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


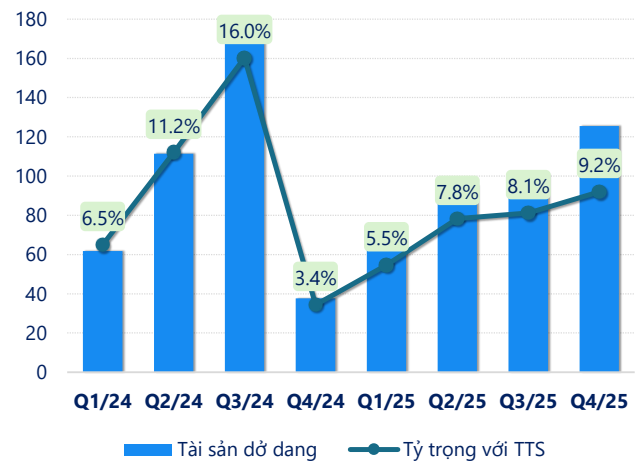
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

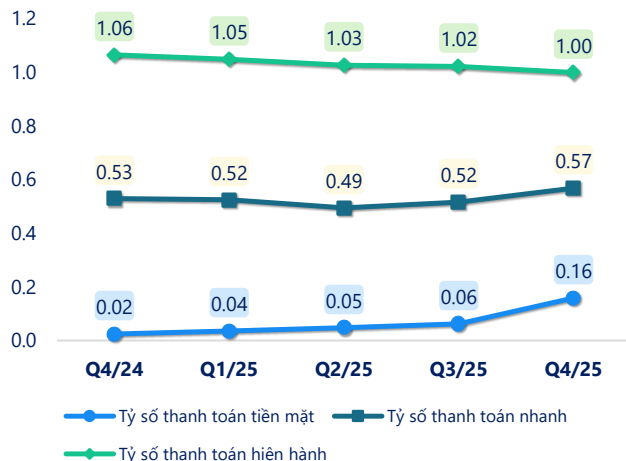
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

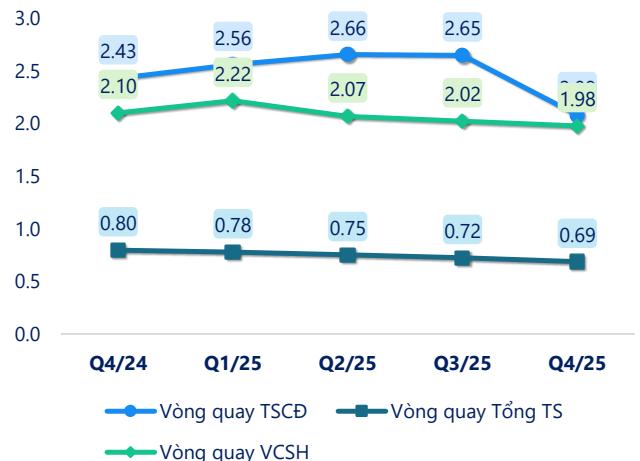
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,094	1,142	1,216	1,242	1,364
Tài sản ngắn hạn	613	651	699	703	791
Tiền và tương đương tiền	13.9	22.0	32.1	42.4	125
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.10	6.10	6.10	6.10	51.9
Phải thu ngắn hạn	262	274	272	281	249
Hàng tồn kho	308	325	362	348	341
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	23.4	26.2	25.3	23.9
Tài sản dài hạn	481	491	516	538	572
Phải thu dài hạn	11.6	6.13	4.41	7.03	9.92
Tài sản cố định	410	399	393	403	402
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	37.6	62.3	95.1	101	125
Đầu tư tài chính dài hạn	17.1	17.1	17.1	17.1	17.1
Tài sản dài hạn khác	5.42	5.98	6.52	10.8	17.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	694	745	786	802	909
Nợ ngắn hạn	576	621	682	689	793
Vay và nợ thuê ngắn hạn	423	450	529	531	516
Phải trả người bán ngắn hạn	116	132	124	94.1	93.9
Nợ dài hạn	119	124	105	113	117
Vay và nợ thuê dài hạn	119	124	105	113	117
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	397	429	440	454
Vốn chủ sở hữu	400	397	429	440	454
Vốn điều lệ	231	231	266	266	266
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)